

**Pháp luật**

**KINH TẾ**

**LS.ThS. LÊ MINH NHỰT**

Nội dung cơ bản

của Hợp đồng thương mại

**LS.ThS. LÊ MINH NHỰT**

- 1. Khái niệm, đặc điểm .**
- 2. Ký kết, nội dung hợp đồng và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ .**
- 3. Các biện pháp chế tài và các trường hợp miễn trách nhiệm.**
- 4. Hợp đồng vô hiệu.**
- 5. Thời hiệu khiếu nại và khởi kiện.**

# **1 . KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM**

## **1.1. Khái niệm HĐTM :**

***“Hợp đồng thương mại là sự thỏa thuận để thực hiện các hoạt động thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và hoạt động thương mại ngoài lãnh thổ Việt Nam nếu các bên thỏa thuận áp dụng luật này hoặc luật nước ngoài, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có qui định áp dụng luật này.”***

***(đ.1 và đ.2 của LTM\_2005)***

**Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi**, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại (gồm hoạt động khuyến mại, quảng cáo thương mại, trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ và hội chợ triển lãm thương mại) và các hoạt động nhằm mục đích sinh lời khác.

**Hàng hóa trong hoạt động thương mại gồm tất cả các loại động sản (kể cả động sản hình thành trong tương lai) và những vật gắn liền với đất đai.**

## **2.2. Đặc điểm :**

### **2.2.1. Về mục đích :**

- Mục đích để xác lập hợp đồng thương mại là nhằm sinh lợi tức nhằm tìm lợi nhuận (không nhất thiết phải có lợi nhuận).

Hoạt động của một bên không nhằm mục đích sinh lời với thương nhân trên lãnh thổ VN cũng áp dụng LTM để giải quyết trong trường hợp được bên đó lựa chọn.

### ***2.2.2. Về chủ thể :***

**- Chủ thể trong HĐTM chủ yếu gồm các thương nhân (bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có ĐKKD)**

### ***2.2.3. Hình thức :***

- HĐTM được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. Trường hợp pháp luật qui định bằng văn bản thì phải tuân theo hình thức này (TD : HĐ mua bán hàng hóa quốc tế, HĐ dịch vụ khuyến mại, HĐ dịch vụ quảng cáo thương mại, HĐ dịch vụ trưng bày, giới thiệu hàng hóa, HĐ ủy thác mua bán hàng hóa, HĐ đại lý thương mại, HĐ gia công)**
- Giao dịch thực hiện bằng thông điệp dữ liệu được xem là hình thức văn bản**



## **2. KÝ KẾT, NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

### **2.1. Ký kết hợp đồng :**

#### **2.1.1. Đại diện ký kết :**

**- Do Người đại diện theo pháp luật và Người đại diện theo ủy quyền thực hiện.**

**Người đại diện theo pháp luật là Người được chọn đứng đầu tổ chức (người giữ một chức vụ cụ thể trong tổ chức hoặc người được tổ chức lựa chọn và ghi trong điều lệ của tổ chức).**

**Người đại diện theo ủy quyền là người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền .**

- Việc ủy quyền thực hiện bằng hình thức do các bên thỏa thuận trừ trường hợp PL qui định bằng hình thức văn bản. Người được ủy quyền được ủy quyền lại cho người thứ ba nếu được Người ủy quyền đồng ý .
- Người ủy quyền không chịu trách nhiệm đối với giao dịch vượt phạm vi ủy quyền, trừ trường hợp Người ủy quyền đồng ý hoặc biết mà không phản đối (đ. 146 BLDS)

### ***2.1.2. Thời điểm giao kết :***

- Hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được trả lời chấp nhận giao kết.**
- Khi hết thời hạn trả lời mà bên nhận được đề nghị vẫn im lặng, nếu có thỏa thuận im lặng là sự trả lời chấp nhận giao kết.**
- Thời điểm giao kết hợp đồng bằng lời nói là thời điểm các bên đã thỏa thuận về nội dung của hợp đồng.**
- Thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản.**

### ***2.1.3. Chấm dứt hợp đồng :***

**Khi :**

- Hợp đồng đã được hoàn thành.**
- Theo thỏa thuận của các bên.**
- Cả nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân hoặc chủ thể khác chấm dứt mà hợp đồng phải do chính cả nhân, pháp nhân hoặc chủ thể đó thực hiện**
- Hợp đồng bị huỷ bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện.**
- Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn và các bên có thể thỏa thuận thay thế đối tượng khác hoặc bồi thường thiệt hại.**
- Các trường hợp khác do PL qui định**

## ***2.2. Nội dung hợp đồng :***

**Gồm 2 phần chính :**

**\* Phần đầu của HĐ :**

**- Ghi ngày tháng ký hợp đồng, tiêu đề, chi tiết về các đối tác.**

**\* Phần nội dung của HĐ:**

**- Ghi các thỏa thuận liên quan đến giao dịch**

### ***a). Các thỏa thuận chính trong hợp đồng :***

- Đối tượng hợp đồng (tài sản phải giao, công việc phải làm hoặc không được làm)**
- Số lượng, chất lượng**
- Giá , phương thức thanh toán**
- Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện HĐ**
- Quyền và nghĩa vụ các bên .**
- Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.**
- Phạt vi phạm hợp đồng.**
- Các nội dung khác (TD: thỏa thuận về bảo hành, các trường hợp miễn trách nhiệm, ...)**

***b). Các văn bản thỏa thuận khác (kèm theo HĐ) :***

***\* Phụ lục HĐ :***

- **Nhằm chi tiết một số điều khoản của hợp đồng. Phụ lục hợp đồng có hiệu lực như hợp đồng. Nội dung của phụ lục không được trái với nội dung của hợp đồng.**
- **Trường hợp phụ lục có điều khoản trái với nội dung của điều khoản trong hợp đồng thì điều khoản này không có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Nếu các bên chấp nhận phụ lục hợp đồng có điều khoản trái với điều khoản trong HĐ thì coi như điều khoản đó trong HĐ đã được sửa đổi.**

**@ Các vấn đề cần lưu ý khi soạn thảo hợp đồng :**

- . Ngôn ngữ trong HĐ phải chính xác, cụ thể, đơn nghĩa**
- . Sử dụng từ thông dụng, phổ biến, tránh dùng các phương ngữ (tiếng địa phương ) hoặc tiếng lóng**
- . Không dùng những chữ thừa, tùy tiện ghép chữ trong hợp đồng**



## ***2.3. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:***

### ***2.3.1. Thế chấp tài sản :***

- Thế chấp tài sản là việc bên thế chấp dùng **tài sản thuộc sở hữu của mình** để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận thế chấp và **không chuyển giao tài sản đó cho bên nhận thế chấp** mà do bên thế chấp giữ hoặc thỏa thuận giao cho người thứ ba giữ
- Tài sản thế chấp có thể là tài sản hình thành trong tương lai
- Việc thế chấp tài sản **phải được lập thành văn bản** riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính. **Trong trường hợp pháp luật có quy định thì văn bản thế chấp phải được công chứng, chứng thực hoặc đăng ký.**

### **2.3.2. Cầm cố tài sản :**

- Cầm cố tài sản là việc một bên (gọi là bên cầm cố) **giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia** (gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.
- Việc cầm cố **phải được lập thành văn bản**, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính

***(không qui định phải có công chứng hoặc chứng thực)***

### **2.3.3. Bảo lãnh :**

- **Bảo lãnh là việc người thứ ba (gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện thay cho bên có nghĩa vụ (gọi là bên được bảo lãnh) nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.**
- **Các bên cũng có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình.**
- **Việc bảo lãnh phải được lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính. Trong trường hợp pháp luật có quy định thì văn bản bảo lãnh phải được công chứng, chứng thực**

### **2.3.4. Đặt cọc :**

- **Đặt cọc là việc một bên giao cho bên kia một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác trong một thời gian để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng.**
- **Nếu hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền;**
- **Nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc trừ trường hợp có thỏa thuận khác.**
- **Việc đặt cọc phải được lập thành văn bản.**

### ***2.3.5. Ký cược :***

**- Ký cược là việc bên thuê tài sản là động sản, giao cho bên cho thuê một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác trong một thời gian để bảo đảm việc trả lại tài sản thuê.**

**- Trường hợp tài sản thuê được trả lại thì bên thuê được nhận lại tài sản ký cược sau khi trừ tiền thuê; nếu bên thuê không trả lại tài sản thuê thì bên cho thuê có quyền đòi lại tài sản thuê; nếu tài sản thuê không còn để trả lại thì tài sản ký cược thuộc về bên kia.**

### **2.3.6. Ký quỹ :**

- **Ký quỹ là việc bên có nghĩa vụ gửi một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá khác vào tài khoản phong tỏa tại một ngân hàng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ.**
- **Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên có quyền được ngân hàng nơi ký quỹ thanh toán, bồi thường thiệt hại do bên có nghĩa vụ gây ra sau khi trừ chi phí dịch vụ ngân hàng.**
- **Thủ tục gửi và thanh toán do pháp luật về ngân hàng qui định**

### **2.3.7. Tín chấp :**

**- Tín chấp chỉ việc tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở bảo đảm bằng tín chấp cho cá nhân, hộ gia đình nghèo vay một khoản tiền tại ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng khác để sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ theo qui định của Chính phủ .**

**- Việc cho vay có bảo đảm bằng tín chấp phải được lập thành văn bản có ghi rõ số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của người vay, ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay và tổ chức bảo đảm**

### **3. CÁC BIỆN PHÁP CHẾ TÀI VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN TRÁCH NHIỆM**

#### **3.1. Các biện pháp chế tài khi thực hiện hợp đồng :**

##### ***a). Huỷ bỏ hợp đồng***

- Huỷ bỏ hợp đồng là việc bãi bỏ hoàn toàn (hoặc một phần) việc thực hiện nghĩa vụ ghi trong hợp đồng**
- Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng khi xảy ra hành vi vi phạm HĐ mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện huỷ bỏ hợp đồng hoặc một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ HĐ.**

***(Vi phạm cơ bản là sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết HĐ)***



**- Bên muốn hủy bỏ phải thông báo ngay cho bên kia biết. Trường hợp không thông báo, gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường thiệt hại.**

**- Khi hợp đồng bị hủy bỏ, xem như hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng trừ thỏa thuận về các quyền và nghĩa vụ sau khi hủy bỏ hợp đồng và về giải quyết tranh chấp.**

**- Các bên có quyền đòi lại lợi ích do việc đã thực hiện phần nghĩa vụ của mình theo hợp đồng; nếu các bên đều có nghĩa vụ hoàn trả thì nghĩa vụ của họ phải được thực hiện đồng thời; trường hợp không thể hoàn trả bằng chính lợi ích đã nhận thì phải hoàn bằng tiền.**

**- Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.**

### ***b). Đình chỉ thực hiện hợp đồng :***

- Một bên có quyền đình chỉ (chấm dứt thực hiện HĐ) khi xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện đình chỉ hoặc một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ của HĐ nhưng phải thông báo ngay cho bên kia biết**
- HĐ chấm dứt thực hiện từ thời điểm bên kia nhận được thông báo đình chỉ**
- Khi HĐ bị đình chỉ, các bên không phải tiếp tục thực hiện HĐ, bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ đối ứng**
- Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.**

### ***c). Tạm ngừng thực hiện HĐ***

- Một bên có quyền tạm ngừng thực hiện HĐ khi xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện tạm ngừng thực hiện HĐ hoặc một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ của HĐ nhưng phải thông báo ngay cho bên kia biết
- Khi HĐ bị tạm ngừng thực hiện, HĐ vẫn còn hiệu lực.
- **Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.**
- Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, bên bị vi phạm không được áp dụng chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ hợp đồng đối với vi phạm không cơ bản

#### ***d). Buộc thực hiện đúng hợp đồng :***

- Buộc thực hiện đúng hợp đồng là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm thực hiện đúng HĐ hoặc dùng các biện pháp khác để HĐ được thực hiện và chịu các chi phí phát sinh.**
- Trong thời gian áp dụng chế tài này, bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm nhưng không được áp dụng các chế tài khác trừ trường hợp có thỏa thuận khác.**
- Bên bị vi phạm có thể gia hạn thời gian hợp lý để bên vi phạm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Nếu bên vi phạm không thực hiện chế tài buộc thực hiện HĐ trong thời hạn mà bên bị vi phạm ấn định thì bên bị vi phạm có quyền áp dụng các chế tài khác.**

### ***đ). Phạt hợp đồng :***

- **Phạt hợp đồng là khoản tiền bên vi phạm trả cho bên bị vi phạm do vi phạm HĐ nếu trong HĐ có thỏa thuận trừ các trường hợp được miễn trách nhiệm**
- **Mức phạt đối với một vi phạm hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong HĐ nhưng không quá 8% tính trên giá trị phần vi phạm**
- **Trường hợp bên vi phạm HĐ chậm thanh toán thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc PL có qui định khác**

### ***e). Bồi thường thiệt hại :***

- Bồi thường thiệt hại là việc bên vi phạm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm
- Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và **khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm**
- Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất do hành vi vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.
- Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải áp dụng các biện pháp hợp lý để hạn chế tổn thất; nếu không bên vi phạm có quyền yêu cầu giảm bớt giá trị tiền bồi thường bằng mức tổn thất có thể hạn chế được.

***\* Quan hệ giữa phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại :***

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận phạt vi phạm thì bên bị vi phạm chỉ có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại**
- Trường hợp các bên có thỏa thuận phạt vi phạm thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm.**

### **3.2. Các trường hợp miễn trách nhiệm :**

**Chỉ các trường hợp bên vi phạm không phải chịu trách nhiệm (miễn) đối với các chế tài khi có một trong số các căn cứ luật định.**

**Bên vi phạm được miễn trách nhiệm trong những trường hợp sau đây :**

- Xảy ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thỏa thuận.**
- Xảy ra sự kiện bất khả kháng.**
- Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia.**
- Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng**

**Bên vi phạm có nghĩa vụ chứng minh các trường hợp miễn trách nhiệm**



## **4. HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU VÀ XỬ LÝ HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU**

### **4.1. Khái niệm :**

**Hợp đồng vô hiệu là các trường hợp hợp đồng bị Tòa án coi như không có giá trị từ lúc ký kết**

## **4.2. Các trường hợp vô hiệu :**

### **4.2.1. Vô hiệu toàn bộ :**

**Các trường hợp toàn bộ HĐ xem như không có giá trị thực hiện trong các trường hợp :**

***a). Vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức XH :***

- Điều cấm của pháp luật là những qui định của pháp luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định.**
- Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung giữa người với người trong đời sống XH, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng.**

***b). Nội dung giao dịch là giả tạo :***

- Khi các bên xác lập giao dịch một cách giả tạo **nhằm che dấu một giao dịch khác** thì giao dịch giả tạo vô hiệu, còn giao dịch bị che dấu vẫn có hiệu lực trừ trường hợp giao dịch đó cũng bị pháp luật coi là vô hiệu
- Trường hợp xác lập giao dịch giả tạo **nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba** thì giao dịch đó vô hiệu

***c). Giao dịch do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện :***

**Khi giao dịch do các đối tượng trên xác lập, thực hiện thì theo yêu cầu của người đại diện của người đó, Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo qui định của pháp luật, giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện**

***d). Giao dịch do bị lừa dối, đe dọa :***

- Lừa dối trong giao dịch là **hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba** nhằm làm cho bên kia **hiểu sai lệch** về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch nên đã xác lập giao dịch đó.
- Đe dọa trong giao dịch là **hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba** làm cho bên kia **buộc phải thực hiện giao dịch** nhằm tránh thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản của mình hoặc của mình hoặc của cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình.
- Bên bị lừa dối hoặc bị đe dọa thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó là vô hiệu.

### ***đ). Giao dịch do bị nhầm lẫn :***

- **Khi một bên có lỗi vô ý làm cho bên kia nhầm lẫn về nội dung của giao dịch mà xác lập thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu bên kia thay đổi nội dung của giao dịch đó, nếu bên kia không chấp nhận thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu.**
- **Trường hợp một bên do lỗi cố ý làm cho bên kia nhầm lẫn về nội dung của giao dịch thì giải quyết như giao dịch bị lừa dối, đe dọa**

***e) Giao dịch do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình :***

**- Người có năng lực hành vi dân sự nhưng đã xác lập giao dịch vào đúng thời điểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu .**

***g). Khi giao dịch không tuân thủ qui định về hình thức:***

**Trong trường hợp pháp luật qui định hình thức giao dịch là điều kiện có hiệu lực của giao dịch mà các bên không tuân theo thì theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác quyết định, **buộc các bên thực hiện qui định về hình thức của giao dịch đó trong một thời hạn, quá hạn đó mà không thực hiện thì giao dịch là vô hiệu****



***h). Khi có đối tượng không thể thực hiện được :***

- Trong trường hợp ngay từ khi ký kết , hợp đồng có một hoặc nhiều phần của đối tượng không thể thực hiện được vì lý do khách quan thì hợp đồng bị vô hiệu.**
- Trường hợp khi giao kết hợp đồng mà một bên biết hoặc phải biết về việc hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được, nhưng không thông báo cho bên kia biết nên bên kia đã giao kết hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia trừ trường hợp bên kia biết hoặc phải biết về việc hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được .**

#### **4..2. Vô hiệu từng phần :**

- **Khi một phần của giao dịch vô hiệu nhưng không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại của hợp đồng.**
- **Những hợp đồng ký vượt quá phạm vi ủy quyền thì phần vượt quá đó bị coi là vô hiệu .**

**Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu đối với các trường hợp *ví phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức XH* và *nội dung giao dịch là giả tạo* không bị hạn chế ; đối với các trường hợp khác là **2 năm** kể từ ngày giao dịch được xác lập**

### **4.3. Xử lý hợp đồng TM vô hiệu :**

- Giao dịch vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập.**
- Khi hợp đồng bị coi là vô hiệu thì các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo qui định của pháp luật.**
- Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường**

- Trường hợp giao dịch vô hiệu nhưng tài sản giao dịch là **động sản không phải đăng ký quyền sở hữu** đã được chuyển giao bằng một giao dịch khác cho người thứ ba ngay tình thì **giao dịch với người thứ ba vẫn có hiệu lực**, trừ trường hợp người chiếm hữu ngay tình có được được động sản này thông qua **hợp đồng không có đền bù** với người không có quyền định đoạt tài sản;

- Trường hợp hợp đồng này là **hợp đồng có đền bù** thì chủ sở hữu có quyền đòi lại động sản nếu động sản đó bị lấy cắp, bị mất hoặc trường hợp khác bị chiếm hữu ngoài ý chí của chủ sở hữu

**- Trường hợp tài sản giao dịch là bất động sản hoặc là động sản phải đăng ký quyền sở hữu đã được chuyển giao bằng một giao dịch khác cho người thứ ba ngay tình thì giao dịch với người thứ ba bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó người này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa**

## 5. THỜI HIỆU KHIẾU NẠI VÀ KHỞI KIẾN

### **5.1. Thời hạn khiếu nại :**

**Nếu các bên không có thỏa thuận khác thì thời hạn khiếu nại như sau :**

- + 3 tháng** kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về số lượng
- + 6 tháng** kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về chất lượng; trường hợp hàng hóa có bảo hành thì thời hạn khiếu nại là 3 tháng kể từ ngày hết hạn bảo hành.
- + 9 tháng** kể từ ngày bên vi phạm phải hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc trong trường hợp có bảo hành thì kể từ ngày hết thời hạn bảo hành đối với khiếu nại về các vi phạm khác.
- + 14 ngày** kể từ ngày giao hàng cho người nhận đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics

### **5.2. Thời hiệu khởi kiện :**

**+ Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là 2 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.**

**+ Thời hiệu là 9 tháng kể từ ngày giao hàng đối với tranh chấp về kinh doanh dịch vụ logistics**